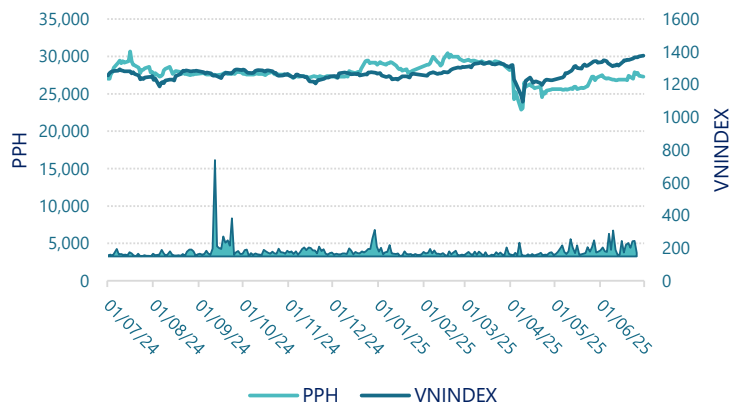




Tổng CTCP Phong Phú (UPCOM: PPH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,664
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,879
SL cổ phiếu LH	74,670,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,140
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,039
P/E	5.1
EPS	5,374

DT thuần

Q2/25

610

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0 | 2.8%

YoY: ▲ 59.0 | 10.8%

LN sau thuế

Q2/25

102

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 11.0 | -9.5%

YoY: ▲ 21.1 | 26.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

19.2%

+/- YoY: ▲ 1.7%

DT thuần

6T 2025

1,204

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 162 | 15.6%

LN sau thuế

6T 2025

216

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0 | 19.3%

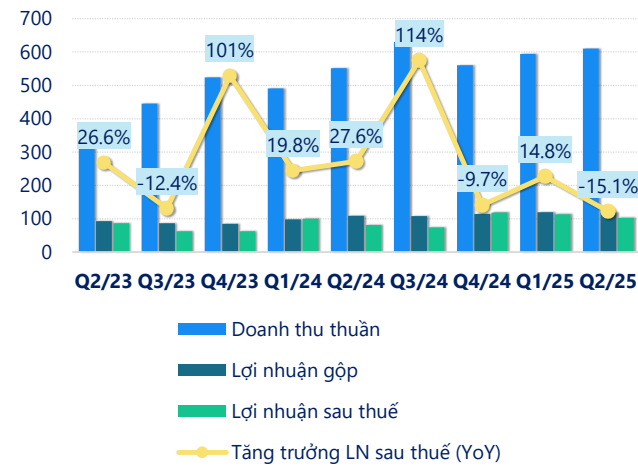
ROE

Q2/25

21.6%

+/- YoY: ▲ 5.2%

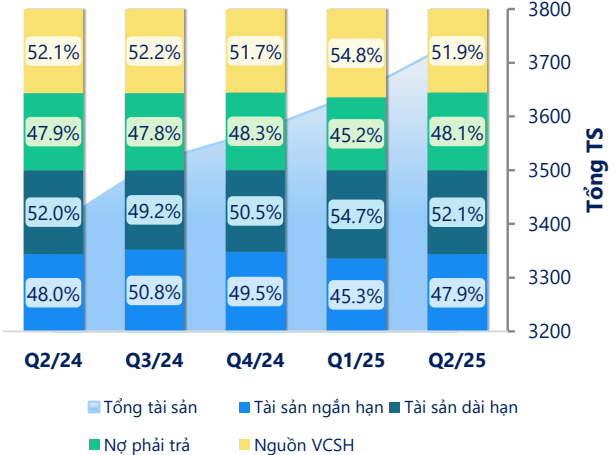
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh


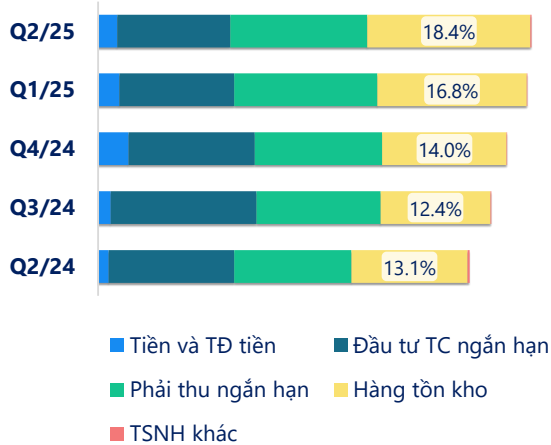
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

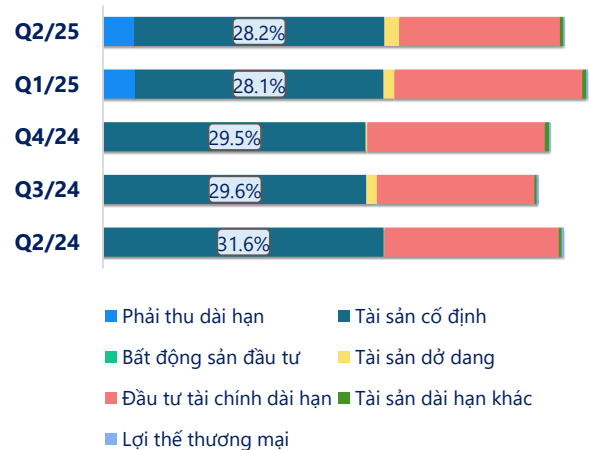
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

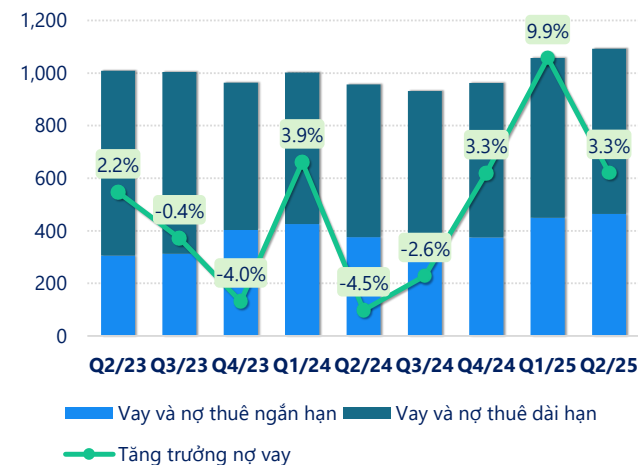
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS


(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS


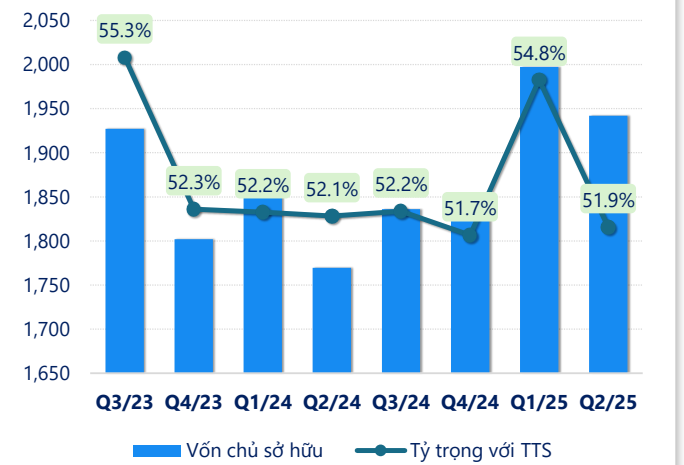
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

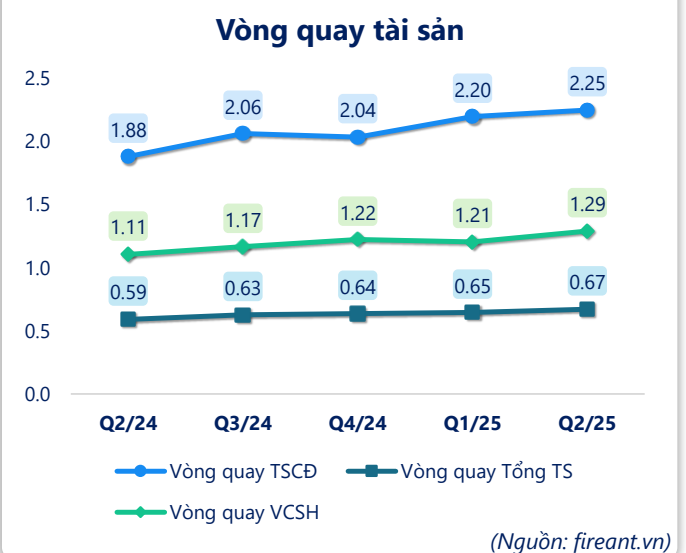
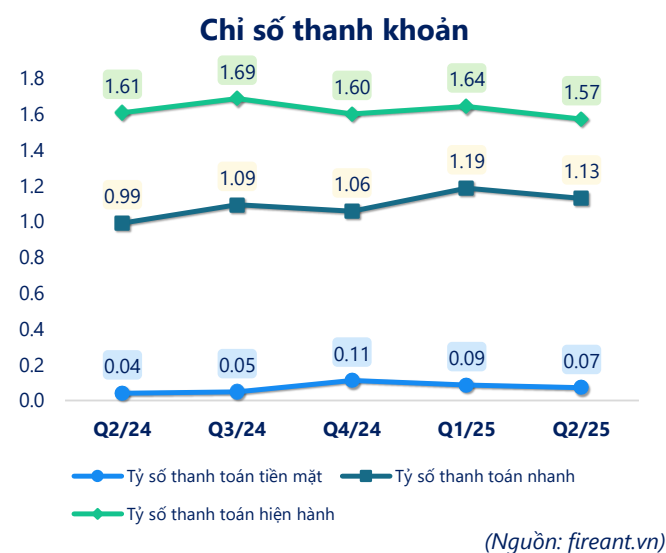
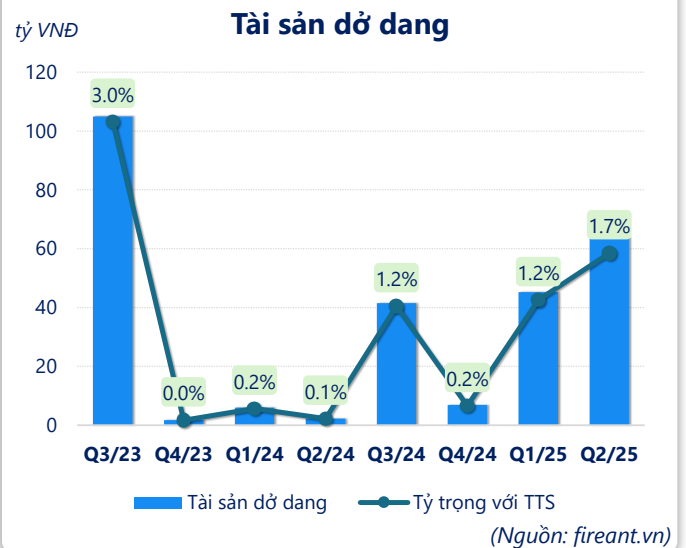
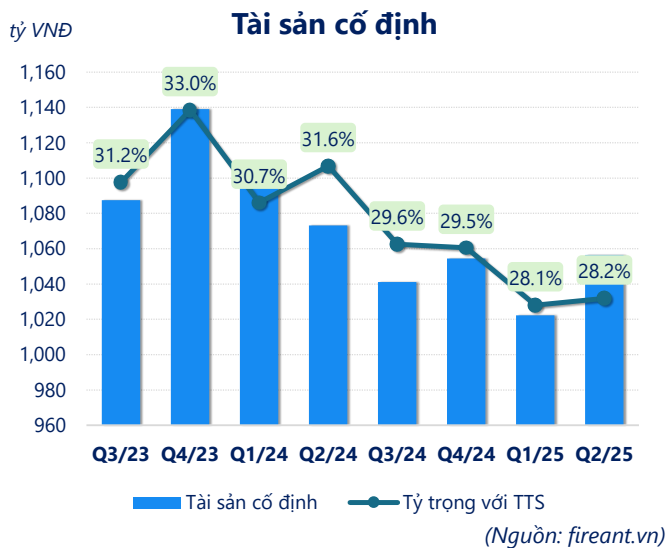
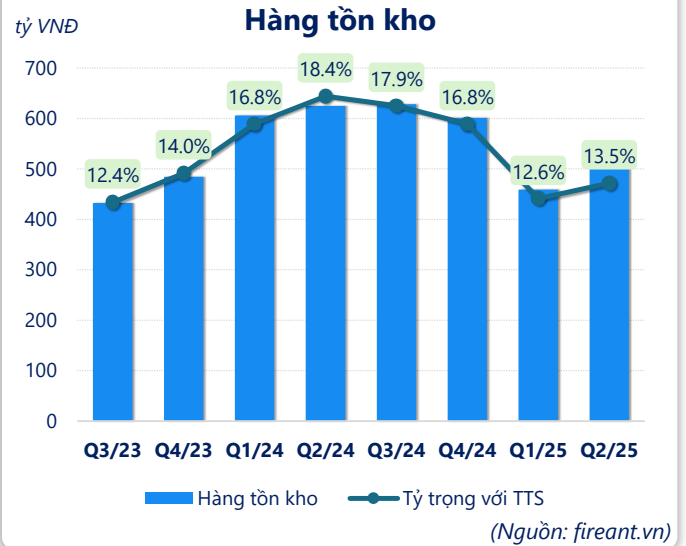
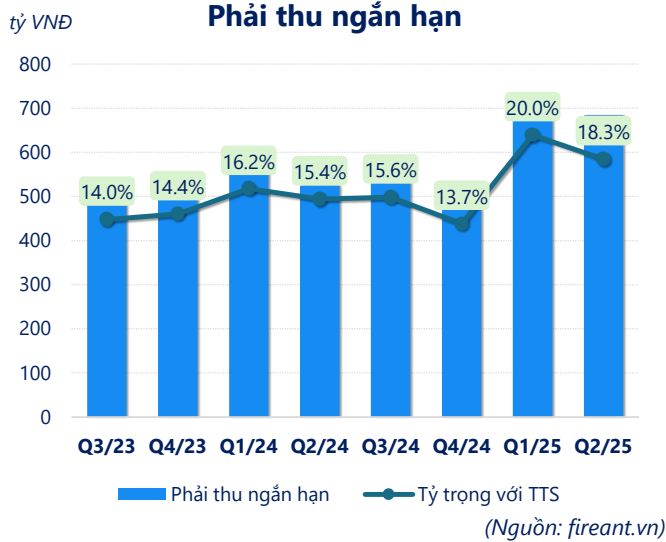
Nợ vay


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu


(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,395	3,516	3,571	3,643	3,742
Tài sản ngắn hạn	1,629	1,787	1,766	1,650	1,792
Tiền và tương đương tiền	41.0	50.3	123	86.9	80.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	434	556	546	364	505
Phải thu ngắn hạn	524	547	489	728	684
Hàng tồn kho	625	628	601	459	504
Tài sản ngắn hạn khác	4.33	4.70	6.39	12.1	18.0
Tài sản dài hạn	1,766	1,729	1,805	1,993	1,950
Phải thu dài hạn	2.09	3.73	3.94	131	131
Tài sản cố định	1,073	1,041	1,054	1,022	1,056
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.26	41.5	6.88	45.2	63.9
Đầu tư tài chính dài hạn	669	625	715	772	677
Tài sản dài hạn khác	11.1	10.5	17.3	16.4	16.0
Lợi thế thương mại	8.86	7.87	6.89	5.90	4.92
Nợ phải trả	1,626	1,680	1,723	1,646	1,800
Nợ ngắn hạn	1,012	1,059	1,102	1,003	1,139
Vay và nợ thuê ngắn hạn	375	345	374	449	464
Phải trả người bán ngắn hạn	246	286	265	240	274
Nợ dài hạn	613	621	621	642	660
Vay và nợ thuê dài hạn	581	586	588	608	628
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,769	1,836	1,848	1,997	1,942
Vốn chủ sở hữu	1,769	1,836	1,848	1,997	1,942
Vốn điều lệ	747	747	747	747	747
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)